TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày: 12/5/2022.
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Hữu Luynh.

2. Ông Lê Minh Huy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-DS ngày 07/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-DS ngày 22/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị X, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 3, thôn N 2, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1964; bà Ngô Thị S, sinh năm 1966; địa chỉ: số 225E, Xóm 4, thôn N 1, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bà X có mặt, ông T, bà S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Giữa bà Đào Thị X và vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T có quan hệ quen biết với nhau, có chơi huê và vay mượn nhiều lần. Lần thứ nhất, ngày 26/02 âm lịch năm 2021 bà X có cho bà S, ông T vay 300.000.000đ hẹn đến ngày 26/12 âm lịch năm 2021 sẽ trả đủ. Lần thứ hai, vào ngày 23/4 âm lịch năm 2021 bà S, ông T tiếp tục mượn của bà X thêm 600.000.000đ hẹn đến 23/01/2022 sẽ trả, tại thời điểm khởi kiện là ngày 04/10/2021 thì khoản nợ này chưa đến hạn. Lý do bà X khởi kiện là khi viết giấy vay các khoản nợ này hai bên không thỏa thuận lãi cụ thể trong hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng và có thực hiện trả lãi trong tháng đầu tiên

được 9.000.000đ nhưng sau đó không trả lãi nữa mà tuyên bố vỡ nợ. Sau nhiều lần liên hệ thì đến tháng 5/2021 bà S, ông T chỉ trả được 560.000.000đ, còn lại 340.000.000đ đến nay vẫn chưa trả. Bà S nêu ra lý do không trả số tiền này, cho rằng trước đó bà đã tập hợp các chủ nợ và đã đưa ra hướng thỏa thuận bán tài sản để trả và tất cả các chủ nợ đã đồng ý để bà trả 70% các khoản nợ. Trong khi bà X không tham gia hoặc ký văn bản nào liên quan đến việc thỏa thuận như bà S đã nêu. Vì vậy bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc là 340.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T vắng mặt nên không có lời trình bày, không có ý kiến gì về nội dung vụ án và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Đào Thị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đinh Tân trả số tiền nợ gốc 340.000.000đ và tiền lãi với mức 1,5%/ tháng tính từ tháng 7/2021 cho đến ngày xét xử, được làm tròn thành 09 tháng, cụ thể là: 340.000.000đ x 01,5%/ 01 tháng x 09 tháng = 45.900.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T có trách nhiệm trả cho bà Đào Thị X số tiền nợ gốc 340.000.000đ và tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Đào Thị X khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, yêu cầu vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T, cư trú tại: số 225E, Xóm 4, thôn N 1, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng trả số tiền nợ gốc 340.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật. Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 06/4/2022 tại Công an xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng thì nguyên đơn khởi kiện bị đơn đúng với địa chỉ bị đơn cư trú, đồng thời cũng đúng theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng vay tài sản (Các Giấy mượn tiền ngày 26/02/2021, 12/3/2021 âm lịch). Tại phiên toà, bị đơn bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện bà Đào Thị X khởi kiện vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T yêu cầu trả nợ theo các giấy mượn tiền ngày 26/02/2021 âm lịch (nhằm ngày 07/04/2021), có thời hạn trả nợ đến ngày 26/12/2021 âm lịch (nhằm ngày 28/01/2022) và giấy mượn tiền ngày 23/4/2021 có thời hạn trả nợ đến ngày 23/01/2022). Tại thời điểm bà X nộp đơn khởi kiện ngày 23/9/2021 các khoản nợ này chưa đến hạn, tuy nhiên bà X cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận và tính đến tháng 5/2021 bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn được 560.000.000đ nợ gốc. Do đó, bị đơn có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ còn lại là 340.000.000đ và xác định đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Giấy mượn tiền ghi ngày 26/02/2021 âm lịch (nhằm ngày 07/04/2021) thể hiện vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đinh Tân có vay của bà Đào Thị X số tiền nợ gốc 300.000.000đ trong thời hạn 10 tháng, hẹn đến ngày 26/12/2021 âm lịch (nhằm ngày 28/01/2022) sẽ trả đủ, các bên không thỏa thuận trả lãi. Giấy mượn tiền có chữ ký của ông Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị S.

Giấy mượn tiền ghi ngày 23/4/2021 thể hiện vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đinh Tân có vay của bà Đào Thị X số tiền nợ gốc 600.000.000đ trong thời hạn 10 tháng, hẹn đến ngày 23/01/2022 sẽ trả đủ, các bên không thỏa thuận trả lãi. Giấy mượn tiền có chữ ký của ông Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị S.

Tổng cộng các khoản nợ nói trên là 900.000.000đ, theo bà X trình bày thì kể từ khi cho vay vợ chồng bà S, ông T chỉ trả lãi duy nhất 01 lần vào tháng đầu tiên là 9.000.000đ sau đó không trả nữa. Đến tháng 5/2021 thì trả được 560.000.000đ, còn lại 340.000.000đ đến nay vẫn chưa trả. Bà X yêu cầu bà S, ông T trả nợ và khẳng định không tham gia thỏa thuận giảm nợ nào với bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của vụ án nhưng đến nay bị đơn cũng không có lời trình bày hoặc văn bản nào phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó, có căn cứ chứng minh nội dung tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có thật và có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn về việc trả nợ gốc. Khi hợp đồng mượn tiền các bên không có thỏa thuận cụ thể về lãi trong giấy mượn tiền mà chỉ thỏa thuận miệng như nguyên đơn trình bày, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên cũng không thể đối chất làm rõ. Vì vậy quan hệ vay tài sản này thuộc trường hợp không có thỏa thuận về lãi hoặc có thỏa thuận lãi nhưng không rõ ràng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp không có thỏa thỏa thuận về lãi hoặc có thỏa thuận nhưng không rõ ràng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi là có cơ sở. Tuy nhiên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức 1,5%/ tháng là đã vượt quá giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần điều chỉnh cho phù hợp theo quy định của pháp luật với mức 0,83%/ tháng, tính thành tiền: 340.000.000đ x 0,83%/tháng x 09 tháng = 25.398.000đ.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả nợ gốc và một phần yêu cầu trả lãi của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí tương ứng với giá trị tài sản tranh chấp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 144, 147 và điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 288; khoản 2 Điều 357; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị S có tránh nhiệm liên đới trả cho bà Đào Thị X số tiền 365.398.000đ (ba trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm

chín mươi tám nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 340.000.000đ và nợ lãi là: 25.398.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả chongười được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãisuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T phải nộp số tiền 18.269.900đ (mười tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đào Thị X số tiền 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006633 ngày 28/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thị hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thành Luân